TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUYÊN HOÁ** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ - ST
Ngày: 09 - 02 - 2023
"V/v tranh chấp ly hôn và con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Phạm Hữu Tình

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đinh Xuân Phầu và bà Trần Thị Phúc Tuệ

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Đinh Quang Vịnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Hoa Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tuyên Hoá, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2022/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "tranh chấp ly hôn và con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hải P, sinh năm 1981

Nơi ĐKHKTT: thôn X, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn X, xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/10/2022 và bản tự khai ngày 23/11/2022 chị Nguyễn Thị Hải P trình bày: chị và anh Nguyễn Văn N có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vào ngày 25/12/2008. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vì không hợp tính nhau, bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Vợ, chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau trong một thời gian dài. Hiện tại chị nhận thấy thực sự không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị mong muốn được ly hôn.

Về con chung: quá trình chung sống chị và anh Nguyễn Văn N có hai con chung là Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Thảo L, sinh ngày 20/8/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu anh N đóng giớp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản và nợ chung: chị và anh Nguyễn Văn N sẽ thỏa thuận tự phân chia nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, thông qua Ủy ban nhân dân xã M, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như giấy triệu tập anh N đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị P, nhưng anh N không đến Tòa án và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình. Theo kết quả xác minh tại gia đình, bà Nguyễn Thị L (mẹ anh N) cho biết, anh Nguyễn Văn N, con trai của bà và có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn X, xã M, huyện T, con trai bà thường hay đi làm ăn xa khoảng một đến hai tuần mới về nhà một lần. Có lần anh N ở nhà và có nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng từ chối, không chịu đến Tòa để làm việc mà nói tự chị P làm thủ tục với Tòa án. Vào ngày 23/12/2022, bà là người trực tiếp nhận được giấy triệu tập của Tòa án, nhưng lúc đó N không có ở nhà, nên bà đã điện thoại báo cho N biết, nhưng N trả lời không về mà để tự chị P tự giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa phát biểu về việc tuân theo pháp luật đối với Thẩm phán và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã đảm bảo thực hiện đúng và đủ thành phần theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị hải P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hải P và anh Nguyễn Văn N. Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị Hải P ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84, Luật hôn nhân và gia đình giao hai con Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Thảo L, sinh ngày 20/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Hải P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, buộc anh N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi thàng 2.00.000 đồng; Về tài sản chung và công nợ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Chị P phải chịu án phí ly hôn, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Hải P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với anh Nguyễn Văn N, anh N có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện T, tỉnh Quảng Bình, nên xác đinh đây là tranh chấp “ly hôn”, Tòa án nhân dân huyện

Tuyên Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Hải P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn N vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 207; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hải P và anh Nguyễn Văn N là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử thấy:

Quan hệ hôn nhân: hôn nhân giữa chị P và anh N là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên được công nhận hôn nhân hợp pháp. Chị P xin ly hôn với anh N vì nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn, thời gian sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử thấy từ sau khi vụ án được thụ lý và trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đối với anh N đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh N vẫn không có mặt và cũng không có văn bản ghi nhận ý kiến của mình gửi cho Tòa án, điều đó chứng tỏ anh N không có trách nhiệm với cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Vì vậy việc chị P khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với anh N là có cơ sở nên cần căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Nguyễn Thị Hải P ly hôn anh Nguyễn Văn N.

Về nuôi con chung của vợ chồng: hiện tại các con chung của vợ chồng đang sống chung với chị P. Sau khi ly hôn chị P có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng; các con cũng có nguyện vọng được ở với chị P. Mặt khác anh N thường xuyên đi làm ăn xa, nên không có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy, cần căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình để giao con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Thảo L, sinh ngày 20/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Hải P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn N đóng góp tiền nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: chị P không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh N phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147; khoản 1, khoản 4 Điều 207, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Hải P và anh Nguyễn Văn N.

2. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị Hải P ly hôn anh Nguyễn Văn N.

3. Về nuôi con chung của vợ chồng: giao con chung Nguyễn Tuấn H, sinh ngày 15/9/2009 và Nguyễn Thảo L, sinh ngày 20/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Hải P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh Nguyễn Văn N có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) cho đến khi các con lần lượt đủ 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản việc đi lại, chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, quyền được yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Về quan hệ tài sản và công nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí dân sự: buộc chị Nguyễn Thị Hải P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000157 ngày 09/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình, chị P đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp vào ngân sách nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, các bên đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Phạm Hữu Tình